

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2023/DS-ST**

Ngày: 09/02/2023

V/v: “*tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đức Hùng;
2. Bà Đỗ Thị Linh Phương.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH G; địa chỉ: tầng 1 và 2, tòa nhà PVL T, số 5 đường D1, phường L, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Nguyễn Anh C, sinh năm 1989, chức vụ: chuyên viên tổ tụng của Công ty Luật TNHH MTV S; địa chỉ: số 89 H, phường X, quận L, thành phố Đ. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: anh Trần Văn B, sinh năm 1983. *Vắng mặt.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn: chị Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1989. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn A, huyện S, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2022 và tại bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: vào ngày 07/9/2016, anh B có ký hợp đồng tín dụng số 20160908-500000-4879 với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V (gọi tắt là VPB SMBC FC) để vay số tiền 52.750.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 35%/năm để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận, anh B có trách nhiệm thanh toán số tiền 85.883.000 đồng gồm cả gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 2.387.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.338.000 đồng, bắt đầu từ ngày 12/10/2016. Thực hiện hợp đồng, anh B đã nhận đủ số tiền tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho VPB SMBC FC 30 lần với tổng số tiền 74.214.000 đồng bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi. Kể từ ngày 28/12/2019 đến nay, anh B không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào dù công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Khoản nợ trên hiện đã được VPB SMBC FC chuyển nhượng cho công ty TNHH G vào ngày 30/3/2021 theo Hợp đồng mua bán nợ VPBFC-GALAXY-21-0003. Nay, anh B trễ hạn thanh toán nên công ty TNHH G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh B thanh lý hợp đồng, trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ 11.669.000 đồng, trong đó nợ gốc 10.524.815 đồng, nợ lãi 1.114.185 đồng tính đến ngày 12/9/2019.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B và chị V nhưng anh chị vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: anh B cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn A, huyện S, tỉnh N. Nguyên đơn nhận chuyển nhượng khoản nợ từ VPB SMBC FC, do đó nguyên đơn kế thừa quyền và nghĩa vụ của VPB SMBC FC. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh B trả tổng số tiền 11.669.000 đồng theo hợp đồng tín dụng, vì vậy quan hệ pháp luật giải quyết là “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng: hợp đồng tín dụng số 20160908-500000-4879 ngày 12/9/2016 được ký kết trên cơ sở tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo hợp đồng tín dụng số 20160908-500000-4879, ngày 12/10/2016 anh B vay của công ty tài chính TNHH Ngân hàng V số tiền 52.750.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất vay 35%/năm, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 2.387.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.338.000 đồng, bắt đầu từ ngày 12/10/2016. Tuy nhiên đến nay, anh B mới trả được tổng số tiền 74.214.000 đồng bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi. Kể từ ngày 28/12/2019, anh B không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào. Như vậy, anh B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, công ty TNHH G khởi kiện yêu cầu anh B trả một lần tổng số tiền 11.669.000 đồng, trong đó nợ gốc 10.524.815 đồng, nợ lãi 1.114.185 đồng tính đến ngày 12/9/2019 là có căn cứ.

Hợp đồng tín dụng chỉ mình anh B ký kết với VPB SMBC FC, không có văn bản ủy quyền của chị V. Công ty TNHH G chỉ yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, không có căn cứ yêu cầu chị V liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ với anh B.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh B có nghĩa vụ trả cho công ty TNHH G tổng số tiền 11.669.000 đồng, trong đó nợ gốc 10.524.815 đồng, nợ lãi 1.114.185 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh B phải chịu quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G về “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

1. Anh Trần Văn B có nghĩa vụ trả cho công ty TNHH G tổng số tiền 11.669.000 đồng, trong đó nợ gốc 10.524.815 đồng, nợ lãi 1.114.185 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông B phải chịu là 583.450 đồng. Trả lại cho Công ty TNHH G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004840 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trương Thị Sen